PYWASE	**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**	ilac-MRA / BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 746

Số: 44/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	$185M_1$01/17	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Phạm Thị Luyện	27/11/2017 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
2	$186M_1$01/17	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	27/11/2017 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
3	$186M_2$01/17	8/19 Nguyễn Huệ			27/11/2017 9g00-9g15	
4	$186M_3$01/17	Khu tái định cư Núi Nhạn			27/11/2017 9g30-9g45	
5	187B01/17	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Diệp Thị Ngọc Loan	27/11/2017 8g00-8g15	Diệp Thị Ngọc Loan

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				$185M_1$01/17	$186M_1$01/17	$186M_2$01/17	$186M_3$01/17
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,43	6,90	6,90	6,90
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,75	1,85	1,95	1,89
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,06	0,04	0,04	0,02
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16,8	18,52	19,20	19,20
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	46,41	47,97	49,02	49,02
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5,30	13,60	13,80	9,60
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	93	90	89	87
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,25	0,30	0,25	0,25
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10,0	10,4	10,8	11,0
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02	0,02	0,02	0,02
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,45	0,38	0,38	0,32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)	KPH (LOD=0,38)

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				187B01/17			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,03			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,81			
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,04			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18,52			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	49,54			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,003)			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	12,30			
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	94			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,25			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	10,6			
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,32			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,005)			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,44			

Ghi chú: - LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 04 tháng 12 năm 2017

Lãnh Đạo Công Ty	Phòng Kỹ Thuật	Bộ Phận Kiểm nghiệm
Nguyễn Tấn Thuần	Nguyễn Khắc Toàn	Võ Bá Duy Huân